

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO VIỆT NAM HỌC Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN, ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Văn Lịch¹

Tóm tắt

Bài viết điểm qua tình hình và giải pháp để nâng cao chất lượng đào tạo ngành Việt Nam học ở Khoa Việt Nam học Trường Đại học KHXH&NV, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, mặc dù đề cập đến cả ba hệ đào tạo, nhưng trọng tâm là chương trình cử nhân chính quy Việt Nam học dành cho người nước ngoài. Bên cạnh khẳng định những mặt mạnh đã làm được, bài viết cũng nêu ra những tồn tại trên đường xây dựng và phát triển của Khoa.

Từ khóa: Việt Nam học, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP HCM, giáo dục.

Mở đầu

Bốn năm trước, cũng tại tiểu ban 12 - Đào tạo Việt Nam học trong hội nhập và phát triển bền vững này chúng tôi có bài giới thiệu về Đào tạo Việt Nam học ở Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG Thành phố Hồ Chí Minh. Lần này chúng tôi rất vui mừng được gặp lại các bạn đồng nghiệp trong nước và quốc tế để chúng ta trao đổi kinh nghiệm, học hỏi lẫn nhau nhằm tiếp tục xây dựng, phát triển ngành khoa học mà theo chúng tôi còn non trẻ của chúng ta. Câu chuyện hôm nay của chúng tôi là sự phấn đấu không ngừng của thầy trò khoa Việt Nam học chúng tôi trong mấy năm qua nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập, nghiên cứu như thế nào. Kết quả bước đầu của một chặng đường vừa qua là tháng 11/2011 đoàn kiểm định chất lượng AUN-QA đã đánh giá và công nhận chương trình đào tạo cử nhân Việt Nam học đạt tiêu chuẩn AUN-QA (Quyết định công bố tháng 4/2012). Đây là chương trình cử nhân duy nhất trong 53 chương trình đào tạo cử nhân của Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG TP Hồ Chí

¹ PGS.TS, Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG-HCM

Minh². Đó là niềm vui, niềm tự hào của khoa và của trường chúng tôi nhưng cũng đặt ra trách nhiệm cho chúng tôi phải tiếp tục duy trì, phát huy những mặt mạnh và khắc phục mặt yếu, giữ vững danh hiệu này, tạo thành địa chỉ tin cậy với đối tác trong, ngoài nước, thu hút các đồng nghiệp, bạn bè và sinh viên đến học tập, nghiên cứu đông hơn, cũng là góp phần phát triển ngành Việt Nam học.

1. Đào tạo Việt Nam học: từ Trung tâm Nghiên cứu Việt Nam – Đông Nam Á đến Khoa Việt Nam học (1990-1998-2012)

Từ đầu thập niên 1980, Bộ Đại học & Trung học Chuyên nghiệp đã giao nhiệm vụ cho Trường Đại học Tổng hợp TP Hồ Chí Minh đào tạo tiếng Việt cho sinh viên Campuchia – do Khoa Ngữ Văn đảm trách. Từ năm 1990, Bộ Đại học & Trung học Chuyên nghiệp quyết định thành lập Trung tâm Nghiên cứu Việt Nam – Đông Nam Á (NC VN - DNA) chức năng dạy tiếng Việt chuyên sang cho Trung tâm, đồng thời chúng tôi xây dựng chương trình ngắn hạn và trung hạn nghiên cứu một số vấn đề cơ bản và cấp thiết về Việt Nam và Đông Nam Á, tích cực chuẩn bị nguồn lực về con người, tài chính với phương châm “lấy ngắn nuôi dài” trong hoàn cảnh đất nước còn nhiều khó khăn, chính sách Đổi Mới đang đi vào cuộc sống nhưng đầy thử thách do hoàn cảnh quốc tế biến động: chiến tranh Lạnh đến hồi kết thúc, Liên Xô và hệ thống XHCN đang sụp đổ, Mỹ và các thế lực thù địch chưa bỏ bao vây, cấm vận,...

Ngay từ đầu chúng tôi nhận thức thống nhất là phải bắt tay xây dựng giáo trình dạy tiếng Việt cho người nước ngoài tốt, phù hợp với đối tượng người học đến từ nhiều nước châu Á (Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Quốc và các nước Đông Nam Á), châu Âu, Mỹ, Australia, v.v. Trong khi soạn bài giảng phải chú ý tiếp thu, vận dụng những thành tựu mới nhất của ngành ngôn ngữ học nói chung, Việt ngữ học nói riêng, của phương pháp soạn giáo trình dạy ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh. Giáo trình nhắm đến tính khoa học, hiện đại, lý thuyết gắn với thực hành, gần với lời nói của công chúng, mang tính ứng dụng thực tiễn cao. Làm sao cho người học sau khi đến lớp một buổi, ba ngày hay chậm là một tuần có thể thực hành nói được dăm ba câu tiếng Việt, biết chào hỏi, giao tiếp tối thiểu tạo sự phấn

² Self – Assessment Report for AUN-QA. November, 2011.

khích, tiếp thêm động lực để họ tự tin mình có thể nói, có thể học giỏi tiếng Việt. Tôi không dạy tiếng Việt nhiều, nhưng 100% sinh viên tôi dạy hoặc sinh viên mà tôi đã tiếp xúc đều nói phát âm đúng cả sáu thanh điệu tiếng Việt rất khó. Giúp người học vượt qua rào cản đầu tiên là phát âm, phân biệt các dấu giọng là khâu rất quan trọng. Nhất là, môi trường ngôn ngữ ở Thành phố Hồ Chí Minh không chỉ có tiếng Việt giọng Sài Gòn, giọng miền Nam, mà đủ cả ba miền, thậm chí cả dân tộc ít người và các phương ngữ “lạ” không có trong các sách giáo khoa nữa nên càng khó hơn. Với phương châm đó chúng tôi đã biên soạn các tập bài giảng, dạy thử nghiệm, sửa chữa, bổ sung, từng bước hoàn chỉnh một bộ giáo trình tiếng Việt 4 cấp độ từ sơ cấp, trung cấp, trung cao đến cao cấp, do Nhà xuất bản Giáo dục và Nhà xuất bản ĐHQG ấn hành, tái bản nhiều lần. Bộ sách này cũng được nhiều khoa Việt Nam học ở các trường đại học nước ngoài sử dụng làm giáo trình chính thức.

Vấn đề đào tạo đội ngũ giảng viên cũng được chú trọng. Trung tâm và sau này khoa Việt Nam học luôn chú trọng nâng cao trình độ giảng viên, hầu hết đạt trình độ tiến sĩ, thạc sĩ, đồng thời rèn luyện, trao đổi kinh nghiệm về phương pháp, kỹ năng dạy tiếng Việt. Hầu hết giảng viên của chúng tôi cũng được mời giảng dạy ở các trường nước ngoài nên có điều kiện so sánh, cọ sát để biết mình, biết người hơn mà rèn luyện, phấn đấu nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn của mình.

Ngoài ra Trung tâm NC VN - ĐNA cũng tham gia khảo sát, nghiên cứu một số vấn đề tiếng Việt và ngôn ngữ các tộc người Chăm, Raglai, S'tiêng, M'ông, Khmer,...; nghiên cứu một số vấn đề lịch sử, văn hóa Đông Nam Á về ASEAN,... Đồng thời chúng tôi còn tích cực xây dựng đội ngũ, xây dựng chương trình đào tạo, chuẩn bị cơ sở vật chất cho sự hình thành ngành Đông phương học, khu vực học ở Trường Đại học Tổng hợp, nay là Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG TP HCM và một số trường khác ở phía Nam.

Từ năm 1990 đến 1998 Trung tâm NC VN - ĐNA đã đào tạo khoảng 5.000 lượt người đến học tiếng Việt và văn hóa Việt Nam. Nguồn học viên đến từ khoảng 40 nước châu Á, Âu, Mỹ, Úc,...

Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ nhất tại Hà Nội năm 1998 chính là cú hích để trên cơ sở bộ môn tiếng Việt cho người nước ngoài

ở Trung tâm NC VN - ĐNA, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh và Trường ĐH KHXH&NV quyết định thành lập Khoa Việt Nam học³. Từ đó đến nay đã được 14 năm. Chúng tôi đang tích cực chuẩn bị tiến tới kỷ niệm 15 năm thành lập khoa. Được công nhận đạt tiêu chuẩn AUN-QA đánh dấu sự trưởng thành vượt bậc của Khoa Việt Nam học, đồng thời đặt ra những nhiệm vụ mới, thách thức mới cho chúng tôi phải tiếp tục phấn đấu.

2. Nâng cao chất lượng hệ ngắn hạn và trung hạn

Như trên đã nói, ngay từ khi thành lập Trung tâm NC VN - ĐNA chúng tôi đã chú trọng vấn đề dạy tiếng Việt và văn hóa Việt Nam cho người nước ngoài. Đây không chỉ là một kênh giới thiệu văn hóa Việt Nam ra nước ngoài mà cũng là cầu nối để thu hút bạn bè quốc tế đến với Việt Nam, góp phần cùng đất nước hội nhập quốc tế. Từ năm 1990 đến nay đã có khoảng 40000 lượt người đến học tiếng Việt và văn hóa Việt Nam ở Trường ĐH KHXH&NV Thành phố Hồ Chí Minh⁴. Chúng tôi không quảng cáo hay quảng bá hình ảnh của mình trên các phương tiện truyền thông đại chúng. Học viên chính là người giới thiệu, tuyên truyền cho người muốn học, người trước nói lại với người sau.

Bí quyết để thu hút học viên chính là chất lượng đào tạo, là nhiệt tình và phương pháp giảng dạy của thầy cô giáo. Phương tiện giảng dạy, học tập cũng góp phần hỗ trợ.

Chúng tôi không tự bằng lòng với những gì mình đã đạt được ở từng thời điểm trên mỗi chặng đường phát triển. Giáo trình sau khoảng 5 năm được sửa chữa, bổ sung. Các giảng viên phải soạn bài giảng, cập nhật thông tin và cố gắng bám sát yêu cầu của người học.

Từ năm 2008 đến nay tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam lâm vào tình trạng khó khăn, khủng hoảng kéo dài có ít nhiều ảnh hưởng đến số lượng học viên đến học, có khi tăng khi giảm. Tình hình học viên phản ánh hàn thử biểu đầu tư nước ngoài (FDI) và quan hệ kinh tế đối ngoại của Việt Nam. Song về cơ bản chúng tôi vẫn duy trì được số lượng học viên khá ổn định.

³ Quyết định số 439/ĐHQG/TCCB ngày 26/12/1998.

⁴ Self – Assessment Report for AUN-QA. November, 2011, p.8 và tổng hợp số liệu khác của khoa Việt Nam học.

Trong tình hình ở Thành phố Hồ Chí Minh nhiều trường cũng mở ra dạy tiếng Việt cho người nước ngoài, phải cạnh tranh khá gay gắt, chúng tôi luôn giữ vững phương châm bảo đảm uy tín, chất lượng, tạo ra thương hiệu riêng, một địa chỉ tin cậy cho người học.

3. Nâng cao chất lượng hệ đào tạo chính quy cử nhân Việt Nam học và chương trình hợp tác 2+2 hoặc 3+1

Đào tạo cử nhân là nhiệm vụ quan trọng nhất của Khoa Việt Nam học. Từ năm 2000 mở khóa đào tạo cử nhân chính quy đến nay đã và đang đào tạo 13 khóa và cũng hợp tác với các trường đại học Hàn Quốc (ĐH Ngoại ngữ Busan, ChungWoon, Sungsim, Chosun,...), Nhật Bản (Trường ĐH Ngoại ngữ Tokyo, Kanda, Ritsumeikan,...).

Xây dựng chương trình đào tạo: Từ khi chuẩn bị thành lập Khoa Việt Nam học đến nay chúng tôi đã xây dựng, sửa đổi, bổ sung chương trình cử nhân Việt Nam học nhiều lần⁵.

Dưới đây là chương trình hiện hành của ngành Việt Nam học [xem Bảng 1].

⁵ Kỷ yếu Hội thảo thống nhất chương trình đào tạo ngành Việt Nam học, TP Hồ Chí Minh, 2010.

Bảng 1. Chương trình đào tạo cử nhân Việt Nam học
Điều chỉnh theo cuộc họp Hội đồng KH-ĐT Khoa tháng 6/2011)

TT	Mã môn học	Tên môn học (Subject name)	Tín chỉ			
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Khác (nếu có)
7.1. Kiến thức giáo dục đại cương (Foundation Subjects/General Educational Knowledge)			45			
7.1.1. Các môn lý luận chính trị (Political Theory)			10	7,5	2,5	
1	DAI001	Những nguyên lý của Chủ nghĩa Mác – Lênin 1 (Marxism and Leninism Principles 1)	02	1,5	0,5	
2	DAI002	Những nguyên lý của Chủ nghĩa Mác – Lênin 2 (Marxism and Leninism Principles 2)	03	2,5	0,5	
3	DAI003	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (Directions and policies of Vietnam’s Revolution)	03	02	01	
4	DAI004	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Ideology)	02	1,5	0,5	
7.1.2. Nhân văn – Nghệ thuật (Humanities – Arts)			22	16	06	
7.1.2.1. Nhóm học phần bắt buộc (Compulsory Subjects)				18	13	05

TT	Mã môn học	Tên môn học (Subject name)	Tín chỉ			
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Khác (nếu có)
5	DAI005	Thống kê cho khoa học xã hội (Statistics for Social Sciences)	02	1,5	0,5	
6	DAI006	Môi trường và phát triển (Environment and Development)	02	1,5	0,5	
7	DAI012	Cơ sở văn hóa Việt Nam (Introduction to Vietnamese Culture)	02	1,5	0,5	
8	DAI016	Lịch sử văn minh thế giới (History of World Civilization)	03	02	01	
9	DAI017	Tiến trình lịch sử Việt Nam (Process of Vietnamese History)	03	02	01	
10	DAI022	Xã hội học đại cương (Introduction to Sociology)	02	1,5	0,5	
11	DAI036	Phương pháp nghiên cứu khoa học (Research Methodology)	02	1,5	0,5	
12	VNH018	Phương pháp học đại học (Study Methods at University)	02	1,5	0,5	
7.1.2.2. Nhóm học phần tự chọn (Optional Subjects) (*)			04	03	01	
1	DAI013	Dẫn luận Ngôn ngữ học	02	1,5	0,5	

* Sinh viên chọn tối thiểu 04 tín chỉ trong số các học phần trên.

TT	Mã môn học	Tên môn học (Subject name)	Tín chỉ			
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Khác (nếu có)
		<i>(Introduction to Linguistics)</i>				
2	DAI021	Lôgic học đại cương <i>(Introduction to Logic)</i>	02	1,5	0,5	
3	DAI023	Tâm lý học đại cương <i>(Introduction to Psychology)</i>	02	1,5	0,5	
4	DAI024	Nhân học đại cương <i>(Introduction to Anthropology)</i>	02	1,5	0,5	
5	DAI025	Pháp luật đại cương <i>(Introduction to General Law)</i>	02	1,5	0,5	
6	DAI029	Chính trị học đại cương <i>(Introduction to Politics)</i>	02	1,5	0,5	
7	DAI030	Tôn giáo học đại cương <i>(Introduction to Religious Studies)</i>	02	1,5	0,5	
7.1.3. Ngoại ngữ⁶ <i>(Foreign Language)</i>			10			
7.1.4. Tin học đại cương^(*) <i>(Overview of computing)</i>			3			
7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			95	59	36	

⁶ *Ngoại ngữ không chuyên trình độ B:* Là ngôn ngữ không phải tiếng mẹ đẻ của sinh viên và tiếng Việt. Sinh viên có thể tự theo học một trong các thứ tiếng: Anh, Pháp, Đức, Nga, Trung, Nhật, Hàn Quốc, Indonesia, Thái Lan,...

^{*} *Tin học đại cương:* Sinh viên tự tích lũy và nộp chứng chỉ.

TT	Mã môn học	Tên môn học (Subject name)	Tín chỉ			
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Khác (nếu có)
(Major Subjects/Professional Educational Knowledge)						
7.2.1. Kiến thức cơ sở (Common subjects)			50	25,5	24,5	
	VNH021	Tiếng Việt trung cấp: Đọc (Intermediate Vietnamese: Reading)	4	2	2	
2	VNH022	Tiếng Việt trung cấp: Nghe (Intermediate Vietnamese: Listening)	4	2	2	
3	VNH023	Tiếng Việt trung cấp: Nói (Intermediate Vietnamese: Speaking)	4	2	2	
4	VNH024	Tiếng Việt trung cấp: Viết (Intermediate Vietnamese: Writing)	4	2	2	
	VNH030	Tiếng Việt nâng cao: Đọc (Advanced Vietnamese: Reading)	4	2	2	
6	VNH031	Tiếng Việt nâng cao: Nghe (Advanced Vietnamese: Listening,)	4	2	2	
7	VNH032	Tiếng Việt nâng cao: Nói (Advanced Vietnamese: Speaking)	4	2	2	
8	VNH033	Tiếng Việt nâng cao: Viết (Advanced Vietnamese: Writing)	4	2	2	
	VNH025	Tiếng Việt cao cấp: Đọc	4	2	2	

TT	Mã môn học	Tên môn học (Subject name)	Tín chỉ			
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Khác (nếu có)
		(Superior Vietnamese: Reading)				
10	VNH026	Tiếng Việt cao cấp: Nghe (Superior Vietnamese: Listening,)	4	2	2	
11	VNH027	Tiếng Việt cao cấp: Nói (Superior Vietnamese: Speaking)	4	2	2	
12	VNH028	Tiếng Việt cao cấp: Viết (Superior Vietnamese: Writing)	4	2	2	
13	VNH015	Nhập môn khu vực học – Việt Nam học (Introduction to Area Study and Vietnamese Studies)	2	1,5	0,5	
7.2.2. Kiến thức ngành (Specialized subjects)			45	31,5	11,5	
7.2.2.1. Kiến thức chung của ngành - Nhóm học phần bắt buộc (Compulsory Subjects)			19	16,5	6,5	
1	VNH040	Kinh tế Việt Nam (Vietnamese Economy)	02	1,5	0,5	
2	VNH041	Hệ thống chính trị VNam hiện đại (Modern Political System of Vietnam)	02	1,5	0,5	
3	VNH009	Địa lý Việt Nam (tự nhiên-nhân văn-kinh tế) (Natural, Human and Economic Geography of Vietnam)	03	02	01	

TT	Mã môn học	Tên môn học (Subject name)	Tín chỉ			
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Khác (nếu có)
4	VNH006	Đại cương văn học Việt Nam 1 (Introduction to Vietnamese Literature 1)	03	02	01	
5	VNH007	Đại cương văn học Việt Nam 2 (Introduction to Vietnamese Literature 2)	03	02	01	
6	VNH014	Ngữ pháp tiếng Việt 1: Từ loại và Ngữ đoạn (Vietnamese Grammar: Parts of Speech and Phrases)	02	1,5	0,5	
7	VNH013	Ngữ pháp tiếng Việt 2: Các phương tiện tình thái (Vietnamese Grammar: Modal Expressions)	02	1,5	0,5	
8	VNH004	Các phương tiện liên kết và soạn thảo văn bản tiếng Việt (Vietnamese Connectives and Writing)	02	1,5	0,5	
7. 2.2.2. Kiến thức chuyên sâu của ngành - Các học phần tự chọn (Optional Subjects) (*)			20	15	5	
a) Nhóm các học phần về lịch sử, địa lý, kinh tế (History, Geography, Economy Module)						

* Sinh viên chọn học tối thiểu 20 tín chỉ trong số các học phần tự chọn.

TT	Mã môn học	Tên môn học (Subject name)	Tín chỉ			
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Khác (nếu có)
9	LSU065	Khảo cổ học lịch sử Việt Nam (<i>Vietnamese Archeology</i>)	02	1,5	0,5	
10	VNH038	Văn hóa Đông Nam Á (<i>Southeast Asian Culture</i>)	02	1,5	0,5	
11	VNH001	ASEAN và Quan hệ Việt Nam – ASEAN (<i>ASEAN and Relationship between Vietnam and ASEAN</i>)	02	1,5	0,5	
12	VNH008	Địa lý và cư dân các nước Đông Nam Á (<i>Geography and Peoples in Southeast Asia</i>)	02	1,5	0,5	
b) Nhóm các học phần về văn hóa – xã hội (<i>Vietnamese Culture – Society Module</i>)						
13	VNH035	Văn hóa bảo đảm đời sống ở Việt Nam (<i>Life-sustaining cultures in Vietnam</i>)	02	1,5	0,5	
14	VNH037	Văn hóa ứng xử Việt Nam (<i>Etiquettes in Vietnamese Culture</i>)	02	1,5	0,5	
15	VNH039	Văn hóa các dân tộc ở Việt Nam (<i>Ethnic groups' cultures in Vietnam</i>)	02	1,5	0,5	
16	VNH005	Các tôn giáo ở Việt Nam (<i>Religions in Vietnam</i>)	02	1,5	0,5	

TT	Mã môn học	Tên môn học (Subject name)	Tín chỉ			
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Khác (nếu có)
17	VNH036	Văn hóa Du lịch Việt Nam (<i>Vietnam's Tourist Culture</i>)	02	1,5	0,5	
c) Nhóm các học phần về KH ngữ văn (<i>Vietnamese Philology Module</i>)						
18	DAI014	Ngôn ngữ học đối chiếu (<i>Contrastive Linguistics</i>)	02	1,5	0,5	
19	VNH012	Ngữ âm tiếng Việt thực hành (<i>Vietnamese Practical Phonetics</i>)	02	1,5	0,5	
20	VNH034	Từ vựng tiếng Việt thực hành (<i>Vietnamese Practical Lexicology</i>)	02	1,5	0,5	
21	VNH003	Các hệ ngôn ngữ ở Việt Nam (<i>Language Families in Vietnam</i>)	02	1,5	0,5	
22	VNH011	Lý thuyết dịch (<i>Translation Theory</i>)	02	1,5	0,5	
23	DA039	Lịch sử tiếng Việt (<i>History of Vietnamese Language</i>)	02	1,5	0,5	
24	VNH016	Phương ngữ tiếng Việt (<i>Vietnamese Dialects</i>)	02	1,5	0,5	
25	VNH044	Phong cách học tiếng Việt (<i>Vietnamese Stylistics</i>)	02	1,5	0,5	

TT	Mã môn học	Tên môn học (Subject name)	Tín chỉ			
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Khác (nếu có)
26	VNH045	Từ Hán - Việt (Sino-Vietnamese Lexicon)	02	1,5	0,5	
27	VNH046	Văn học dân gian Việt Nam (Vietnamese Folk Literature)	02	1,5	0,5	
28	VNH017	Phương pháp giảng dạy ngoại ngữ (Methods in Teaching Foreign Languages)	02	1,5	0,5	
29	VNH047	Truyện ngắn Việt Nam hiện đại (Modern Vietnamese Short Stories)	02	1,5	0,5	
30	VNH020	Tiếng Việt qua báo chí (Media Vietnamese)	02	1,5	0,5	
31	VNH029	Tiếng Việt thương mại (Business Vietnamese)	02	1,5	0,5	
7.2.3. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp (Internship/Field trip & Thesis)			14			
	VNH019	Thực tập thực tế (Internship/ Field trip)	04		04	
	VNH010	- Khóa luận tốt nghiệp (Thesis) ^(*)	10		10	
TỔNG CỘNG CẦN TÍCH LŨY (Total):			140			

* Dành cho những sinh viên đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp tốt nghiệp. Sinh viên đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp sẽ chỉ phải học tối thiểu 10 tín chỉ tự chọn.

Bảng 2. Tỷ lệ tín chỉ lý thuyết và thực hành

Kiến thức	Tín chỉ	Lý thuyết	% Lý thuyết	Thực hành	% thực hành
Đại cương	45	39/45	86.6	6/45	13.4
Chuyên ngành	95	47/95	49.5	48/95	50.5
Tổng cộng	140	86/140	61.4	54/140	38.6

Ngay từ đầu chúng tôi xây dựng chương trình theo học chế tín chỉ, với 140 tín chỉ.

- Chuẩn bị giáo trình, bài giảng, liên kết với các khoa khác trong trường và ngoài trường để bảo đảm cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo cho sinh viên. Ngoài ra còn sử dụng phương tiện hỗ trợ khác (nghe nhìn, tham quan thực tế, thực hành, v.v.).

- Tổ chức giới thiệu định hướng (Orientation) cho sinh viên năm thứ nhất mới nhập học. Đã thành thông lệ, hàng năm khi sinh viên mới nhập học, ban chủ nhiệm khoa tổ chức sinh hoạt để định hướng (Orientation) cho các em (với sinh viên Việt Nam chúng ta thường tổ chức sinh hoạt chính trị - công dân đầu khóa). Nhưng với sinh viên nước ngoài chúng ta không làm như vậy. Chúng tôi thường tổ chức ở một địa điểm du lịch không xa Thành phố Hồ Chí Minh, tạo cho sinh viên không khí vui tươi thoải mái. Ban chủ nhiệm khoa giới thiệu cho sinh viên về Trường, Khoa Việt Nam học, chương trình đào tạo, quy chế học tập, quy chế sinh viên nước ngoài, giáo viên chủ nhiệm lớp (cố vấn học tập) tạo điều kiện để các em làm quen với nhau, sau đó bầu lớp trưởng, lớp phó, tổ, nhóm học tập,...

- Tổ chức học tập cho sinh viên. Trong chương trình đào tạo 140 tín chỉ có 45 tín chỉ thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương (xem Bảng 2). Phần này do Phòng đào tạo của trường quản lý và tổ chức đào tạo, ở cơ sở 2 (Linh Trung, Thủ Đức). Cơ sở này cách cơ sở 1 khoảng 20km, giao thông đi lại khó khăn. Tất cả sinh viên đều ở nhà trọ và ở Quận 1 và các Quận nội thành khác, cách cơ sở 2 khoảng 20-30km. Các môn chung thường là lớp đông của một ngành hay liên ngành. Trình độ tiếng Việt của sinh viên còn hạn chế nên học các môn đại cương sinh viên rất khó tiếp thu vì dạy chung cho đối

tượng sinh viên Việt Nam. Vì vậy, Khoa phải tổ chức mời thầy phụ đạo thêm cho sinh viên. Đó là chưa kể nhiều môn khá xa lạ với sinh viên như môn Các nguyên lý của chủ nghĩa Mác – Lênin 1, 2; Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh (xem Bảng 1). Các môn chuyên ngành: tập trung cho môn tiếng Việt, rèn luyện cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và các môn chuyên ngành Việt Nam học.

- Cố vấn học tập và tư vấn cho sinh viên. Mỗi lớp đều có cố vấn học tập, thường cử giảng viên giảng dạy trực tiếp nhiều giờ cho sinh viên, hiểu tình hình học tập của lớp. Ngoài ra còn phân công một Phó trưởng Khoa phụ trách quản lý sinh viên và một số giảng viên tư vấn cho sinh viên về học tập, sinh hoạt ở trường, đời sống, v.v.

- Trang bị cho sinh viên phương pháp học đại học và nghiên cứu khoa học. Chúng tôi ý thức rõ tầm quan trọng của phương pháp học ở bậc đại học và phương pháp nghiên cứu khoa học, phân công giảng viên đã học tập ở nước ngoài, tiếp cận và vận dụng những phương pháp tiên tiến của các đại học Mỹ, Nhật, Australia, Hàn Quốc vào nội dung bài giảng.

- Không ngừng cải tiến phương pháp giảng dạy và học tập, kết hợp phương pháp thuyết giảng với các phương pháp khác, chú trọng đến người học là trung tâm, phương pháp làm việc nhóm, giao cho sinh viên chuẩn bị bài thuyết trình (Presentation), thảo luận (Seminar) v.v.

- Thực tập thực tế: Việc đưa sinh viên nước ngoài đi thực tập thực tế gặp nhiều khó khăn, từ quan niệm của các cấp lãnh đạo trường đến địa phương, nội dung thực tập thực tế, khó khăn về ngôn ngữ giao tiếp, ăn ở tại địa phương, kinh phí,... Nhưng thầy và trò Khoa chúng tôi đã cố gắng rất nhiều để vượt qua những khó khăn trở ngại, đạt kết quả tốt, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Ví dụ, đưa sinh đi Huế, Quy Nhơn - Bình Định, Phú Yên, v.v. chỉ riêng vấn đề ngôn ngữ, đến thầy cô nghe tiếng địa phương còn chưa quen huống hồ các em là sinh viên nước ngoài, năm thứ 3, thứ 4.

- Từ trước khi đi ban chủ nhiệm Khoa phải chuẩn bị rất kỹ cho sinh viên về tư tưởng, phương pháp điều tra thực địa, phỏng vấn sâu, ghi chép, chuẩn bị máy ghi âm, ghi hình, phân công công việc cho

từng người. Tại địa bàn thực tập thực tế phân công từng nhóm hướng dẫn, phân công công việc, kiểm tra, đôn đốc, sinh hoạt hàng ngày, v.v. Nghe không rõ, ghi không kịp, tối về phải mở máy nghe lại, xem lại, v.v. Thu thập, xử lý tài liệu thực tập thực tế. Trên cơ sở đó về phân công các em viết báo cáo kết quả điều tra khảo sát thực tế. Từ những kết quả ban đầu đó, xây dựng, phát triển thành đề tài nghiên cứu khoa học cấp khoa, trường. Các em cần đọc thêm tài liệu, sưu tầm tài liệu về những vấn đề lý thuyết, phương pháp nghiên cứu, những vấn đề liên quan ở nước các em rồi so sánh những điểm tương đồng, khác biệt,... rồi hình thành một công trình nghiên cứu khoa học. Có một số công trình nghiên cứu của các em đạt giải cấp Trường, cấp Bộ. Nói chung qua thực tập thực tế trình độ của sinh viên được nâng lên nhiều. Nếu bốn năm các em chỉ ngồi trên ghế nhà trường, trong khuôn viên nhỏ hẹp của trường thì không hiểu nhiều, chỉ hiểu kiến thức sách vở về Việt Nam. Qua thực tập thực tế các em nâng tầm hiểu biết, tình cảm với đất nước, con người Việt Nam.

- Tổ chức cho sinh viên tham gia các công tác xã hội từ thiện, các câu lạc bộ sinh viên, các hoạt động văn thể. Giảng viên của khoa có truyền thống hàng năm đóng góp xây dựng nhà tình nghĩa, nhà tình thương,... ở các tỉnh. Chúng tôi cũng động viên, khuyến khích sinh viên đóng góp xây dựng nhà tình thương ở một số nơi mà các em đã đến thực tập thực tế. Hàng năm Khoa tổ chức ngày hội văn hóa Việt Nam, thu hút đông đảo sinh viên các hệ đào tạo tham gia. Họ vừa tìm hiểu văn hóa Việt Nam, vừa giới thiệu văn hóa nước mình cho bạn bè Việt Nam hoặc phối hợp với Khoa Đông phương học tổ chức.

- Tổ chức cho sinh viên năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp. Ngay từ đầu năm học rà soát lại kết quả học tập của tổ chức để nhắc nhở sinh viên trả nợ, thi những môn còn thiếu, thi cải thiện điểm, chuẩn bị chứng chỉ ngoại ngữ 2 và tin học (do không tổ chức dạy trong chương trình), tổ chức cho sinh viên ôn tập hoặc cho sinh viên khá giỏi viết khóa luận tốt nghiệp, v.v.

- Tổ chức hướng nghiệp, giới thiệu việc làm cho sinh viên. Trường thường tổ chức ngày hội hướng nghiệp và giới thiệu việc làm chung cho sinh viên các ngành.

Do đặc thù của Khoa 100% là sinh viên nước ngoài, các em học tập nhằm mục đích cung cấp nguồn nhân lực cho các cơ quan ngoại

giao, các công ty đầu tư nước ngoài ở Việt Nam nên chúng tôi mời đại diện các công ty nước ngoài đến giao lưu tiếp xúc với trường, khoa và sinh viên hoặc trong khi đi thực tập thực tế chúng tôi đã đưa các em đến một số công ty nước ngoài ở Thành phố Hồ Chí Minh hoặc các tỉnh phía nam. Vì vậy, vấn đề đầu ra không đáng lo vì hầu hết các em ra trường về nước hoặc ở lại Việt Nam đều có việc làm.

Tuy nhiên, một khó khăn là khi mời các nhà tuyển dụng đến trường họp, hầu hết đều vui vẻ nhận lời nhưng đến ngày họp lại lấy lý do bận việc không đến được và xin lỗi. Vì vậy, việc lấy ý kiến nhà tuyển dụng tưởng dễ mà lại khó, chưa khắc phục được.

Vấn đề nâng cao chất lượng hệ đào tạo cử nhân chính quy ngành Việt Nam học là cả quá trình phấn đấu lâu dài của Khoa sau 14 năm qua, khi đăng ký với trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG TP Hồ Chí Minh về kiểm định chất lượng AUN-QA chúng tôi đã chuẩn bị hơn một năm, chuẩn bị cho đánh giá nội bộ, rồi đánh giá ngoài, sau đó mới đến đánh giá kiểm định quốc tế. Bộ tiêu chuẩn đề ra 15 đề mục, với hơn 70 tiêu chí, mỗi tiêu chí đều phải rõ ràng, đầy đủ minh chứng trong 5 năm gần đây mới có giá trị. Vì vậy, việc lưu trữ hồ sơ, tất cả công việc đều phải được theo dõi, ghi chép thường xuyên, đầy đủ, khoa học,... quả là rất khó khăn. Một số tiêu chí không đủ minh chứng bị trừ điểm. Vì vậy, chúng tôi tự đánh giá 4,6, nhưng cuối cùng được đánh giá 4,3/7 điểm, trên mức đạt một chút. Đó là kết quả đáng mừng nhưng cũng còn một số mặt còn yếu, cần tiếp tục phấn đấu khắc phục để tiếp tục nâng cao chất lượng hơn nữa⁷.

4. Nâng cao chất lượng hệ đào tạo cao học Việt Nam học (Master' degree of Vietnamese Studies)

Trong hội thảo lần III chúng tôi đã nói về việc chuẩn bị mở bậc đào tạo cao học Việt Nam học. Sau đó, chúng tôi bảo vệ đề án mở ngành này trước Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường và ĐHQG TP Hồ Chí Minh, từ năm 2009 chính thức mở, đến năm 2012 đã tuyển sinh đến khóa 7, với tổng cộng 95 HVCH. Có một số học viên khóa 1 và 2 đã bảo vệ thành công, nhận bằng thạc sĩ Việt Nam học. Đối tượng học viên gồm cả sinh viên Việt Nam và nước ngoài.

⁷ Self – Assessment Report for AUN-QA. November, 2011 và Xã hội Nhân văn số 44/2012.

Khi xây dựng chương trình đào tạo chúng tôi xác định Việt Nam học thuộc nhóm ngành Khu vực học nên phải chú ý cả nội dung và phương pháp tiếp cận, không được quên điều này. Khi đặt hàng cho các giáo sư, giảng viên giảng dạy các chuyên đề cao học cũng vậy, tranh thủ mời các giáo sư đầu ngành từ Hà Nội v.v...

Một vấn đề nữa đặt ra là những năm gần đây dư luận xã hội quan tâm, có một số ý kiến phê phán chất lượng luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ không cao. Trường ĐH KHXH&NV đã mở đào tạo trên 30 mã ngành bậc cao học. Vậy, ngành Việt Nam học ra đời sau, phải tạo nét khác biệt gì, không trùng lặp với những ngành gần như lịch sử, ngôn ngữ, văn học, nhân học? Thực sự đây là bài toán khó. Hơn nữa, lại phải nâng cao chất lượng nên càng khó hơn.

Qua mấy khóa đã và đang đào tạo, chúng tôi nhận thấy cần phải chú ý bảo đảm chất lượng ngay từ khâu tuyển sinh đầu vào, không chạy theo chỉ tiêu, số lượng. Chú ý hoàn thiện chương trình đào tạo, chất lượng đội ngũ giảng viên, tổ chức quản lý chất lượng lớp học chặt, thi cử nghiêm túc, bảo đảm cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, tài liệu phục vụ học tập, nghiên cứu. Thời gian viết luận văn không nhiều, 6 tháng (nếu gia hạn thì tối đa 1 năm) nên khoa và người hướng dẫn phải thường xuyên theo sát, đôn đốc nhắc nhở học viên, kịp thời giúp họ tháo gỡ khó khăn để bảo đảm tiến độ hoàn thành luận văn.

Bước đầu chúng tôi đã đạt một số kết quả nhất định, có nhiều triển vọng khả quan. Triển vọng đầu ra tốt cũng là động lực thúc đẩy học viên cố gắng hoàn thành tốt luận văn.

Khoa Việt Nam học chúng tôi cũng đã khởi động chuẩn bị hồ sơ đăng ký mở ngành Việt Nam học bậc tiến sĩ. Song những thủ tục về chuyên môn, hành chính, pháp lý xem ra phải mất nhiều thời gian, công sức chuẩn bị. Chúng tôi sẽ đồng hành và hợp tác chặt chẽ với viện Việt Nam học và Khoa học Phát triển, với Khoa Tiếng Việt và Việt Nam học của Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG Hà Nội và các đối tác khác trong và ngoài nước để cùng xây dựng, phát triển ngành Việt Nam học.

5. Kết luận

Trên đây điểm qua tình hình và giải pháp để nâng cao chất lượng đào tạo ngành Việt Nam học ở Khoa Việt Nam học Trường Đại học

KHXH&NV, Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh. Chúng tôi đề cập đến cả ba hệ đào tạo, nhưng trọng tâm là chương trình cử nhân chính quy Việt Nam học dành cho người nước ngoài. Chúng tôi mạnh dạn đưa ra những mặt được và chưa được trong chặng đường 14 năm xây dựng và trưởng thành của Khoa Việt Nam học, nhằm trao đổi và mong nhận được sự đóng góp của các nhà khoa học, các bạn đồng nghiệp trong và ngoài nước để cùng học hỏi lẫn nhau, hợp tác cùng xây dựng và phát triển ngành khoa học còn non trẻ Việt Nam học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tạp chí Xã hội Nhân văn. Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG TP Hồ Chí Minh. Số 44/2012.
2. Self – Assessment Report for AUN-QA. November, 2011.
3. Kỷ yếu Hội thảo thống nhất chương trình đào tạo ngành Việt Nam học. TP Hồ Chí Minh, 2010.
4. Kỷ yếu Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần III. Hà Nội, 2008.
5. Kỷ yếu Hội thảo khoa học Nghiên cứu và đào tạo về Khu vực học. Viện Việt Nam học và Khoa học Phát triển. ĐHQG Hà Nội, 2005.
6. Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần II. TP Hồ Chí Minh, 2003.
7. Hội thảo quốc tế Việt Nam trong thế kỷ XX. NXB Thế giới, Hà Nội, 2000.
8. Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần I. Hà Nội. NXB Thế giới, 1998.
9. Tiếng Việt như một ngoại ngữ (Các vấn đề tiếng Việt cho người nước ngoài). NXB Giáo dục, 1995.